

KẾ HOẠCH

**Triển khai Đề án hỗ trợ thôn, làng tại các xã đặc biệt khó
khăn xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ thực hiện trên địa bàn tỉnh
Gia Lai giai đoạn 2019-2020**

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 (gọi tắt là Đề án 1385);

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới; quy trình xét công nhận, công bố thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Thực hiện Kế hoạch số 2761/KH-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc triển khai Đề án hỗ trợ thôn, làng tại các xã đặc biệt khó khăn xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

UBND huyện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 1385 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ MỤC TIÊU:

1. Mục đích, yêu cầu:

Đánh giá thực trạng các thôn, làng thuộc các xã biên giới; tập trung các nguồn ngân sách Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, nhằm triển khai đồng bộ các giải pháp huy động các nguồn lực để thực hiện Quyết định số 1385/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả.

Cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần cho người dân tại các thôn, làng thuộc xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới.

2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung: Trực tiếp cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống về vật chất, tinh thần cho người dân tại các thôn, làng của các xã biên giới. Phấn đấu 2 xã biên giới, bình quân đạt trên 10 tiêu chí xã nông thôn mới vào năm 2020.

b) Mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến năm 2020 có 4/9 thôn, làng thuộc 02 xã biên giới đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 44%, cụ thể: 04 làng, gồm: làng Klăh và làng Rìng thuộc xã Ia Mơ; làng Chư Kó và làng Goòng thuộc xã Ia Púch.

- Phần đầu đến năm 2020, thu nhập của người dân tại 02 xã biên giới tăng ít nhất 1,6 đến 1,8 lần so với năm 2015 (Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 của từng xã, cụ thể như sau: Xã Ia Mơ: 9 triệu đồng; xã Ia Púch: 8 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo các xã Ia Mơ giảm còn $\leq 10\%$; xã Ia Púch giảm còn $\leq 10\%$.

- Các thôn, làng đạt được mục tiêu: có mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả gắn với liên kết vùng nguyên liệu hoặc mô hình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Cơ bản hoàn thành một số công trình hạ tầng thiết yếu cấp thôn, làng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân như điện, nước sinh hoạt và hạ tầng phục vụ sản xuất (giao thông nội đồng, thủy lợi....).

II. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

1. Địa điểm: Kế hoạch được thực hiện trên địa bàn 04 thôn, làng thuộc 02 xã, gồm: xã Ia Mơ, xã Ia Púch huyện Chư Prông (theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, làng của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020).

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019 đến năm 2020.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Thực trạng của 9 làng thuộc phạm vi Đề án:

- Có 2/9 làng đạt 7 tiêu chí, chiếm 22,22%;
- Có 2/9 làng đạt 8 tiêu chí, chiếm 22,22%;
- Có 4/9 làng đạt 9 tiêu chí, chiếm 44,44%;
- Có 01/9 làng đạt 12 tiêu chí, chiếm 11,11%;
- Bình quân tiêu chí đạt được của các thôn, làng là 8,67 tiêu chí.

(Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo)

2. Thực trạng của 4 thôn, làng đăng ký phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới:

- Làng Klăh - xã Ia Mơ - huyện Chư Prông: đạt 8/19 tiêu chí; chưa đạt 11/19 tiêu chí, gồm: Giao thông (2), Trường học (5), Cơ sở vật chất văn hóa (6), Nhà ở dân cư (9), Thu nhập (10), Hộ nghèo (11), Tổ chức sản xuất (13), Giáo dục và Đào tạo (14), Y tế (15), Môi trường và an toàn thực phẩm (17), Hệ thống chính trị, bình đẳng giới và tiếp cận pháp luật (18).

- Làng Ring - xã Ia Mơ - huyện Chư Prông: đạt 12/19 tiêu chí; chưa đạt 7/19 tiêu chí, gồm: Giao thông (2), Trường học (5), Cơ sở vật chất văn hóa (6), Thu nhập (10), Văn hóa (16), Môi trường và an toàn thực phẩm (17), Hệ thống chính trị, bình đẳng giới và tiếp cận pháp luật (18).

- Làng Goòng - xã Ia Púch - huyện Chư Prông: đạt 10/19 tiêu chí; chưa đạt 9/19 tiêu chí, gồm: Giao thông (2), Thủy lợi (3), Nhà ở dân cư (9), Thu nhập (10),

Hộ nghèo (11), Tổ chức sản xuất (13), Giáo dục và Đào tạo (14), Môi trường và an toàn thực phẩm (17), Hệ thống chính trị, bình đẳng giới và tiếp cận pháp luật (18).

- Làng Chư Kó - xã Ia Púch - huyện Chư Prông: đạt 9/19 tiêu chí; chưa đạt 10/19 tiêu chí, gồm: Giao thông (2), Thủy lợi (3), Thông tin và Truyền thông (8), Nhà ở dân cư (9), Thu nhập (10), Hộ nghèo (11), Tổ chức sản xuất (13), Giáo dục và Đào tạo (14), Môi trường và an toàn thực phẩm (17), Hệ thống chính trị, bình đẳng giới và tiếp cận pháp luật (18).

(Chi tiết có Phụ lục 02, phụ lục 03 kèm theo)

3. Các nội dung hỗ trợ thực hiện Kế hoạch:

a) Các nội dung hỗ trợ trực tiếp:

- Nhóm nội dung về phát triển sản xuất: Hỗ trợ mô hình phát triển sản xuất tập trung liên kết gắn với vùng nguyên liệu phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương và tổ chức nhân rộng những mô hình này trên cơ sở phát triển các sản phẩm đặc trưng, là lợi thế của địa phương theo Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển mô hình làng du lịch văn hóa cộng đồng;

- Hỗ trợ xây dựng công trình thiết yếu nhằm nâng cao đời sống, sinh hoạt của người dân ở các thôn, làng bao gồm nước sinh hoạt, cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh và sản xuất.

b) Các nội dung lồng ghép:

- Nâng cao năng lực cộng đồng: Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng phát triển cộng đồng cho Ban phát triển thôn, làng, người có uy tín trong cộng đồng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với mô hình, yêu cầu cụ thể và phù hợp với nhu cầu của thị trường;

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội: xây mới và nâng cấp một số công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và nhu cầu sinh hoạt của người dân trong thôn, làng (điện; đường trục thôn, làng; đường ngõ xóm, đường nội đồng; công trình về môi trường, cơ sở vật chất văn hóa thôn, làng,...).

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN:

1. Huy động nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch:

- Kế hoạch vốn để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng 04 làng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020: Dự kiến tổng số kinh phí đề xuất để hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới là 60.957 triệu đồng (vốn lồng ghép các chương trình là 1.573 triệu đồng và vốn ngân sách trung ương là 59.384 triệu đồng), trong đó: làng Chư Kó: 6.682 triệu đồng, làng Goòng: 25.200 triệu đồng, làng Rìng: 24.350 triệu đồng, làng Klăh: 4.725 triệu đồng. Trong năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện phân bổ các nguồn kinh phí để triển khai các hạng mục đầu tư cho 02 xã biên giới bằng các nguồn kinh phí của Trung ương, tỉnh: Vốn đầu tư trực tiếp từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2019-2020: Vốn phân bổ 4.174 triệu đồng tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của Ủy ban nhân dân huyện

(Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh). Phân bổ 11.158 triệu đồng từ nguồn vốn dự phòng của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh). Vốn ngân sách địa phương: Lồng ghép từ vốn ngân sách huyện hỗ trợ trực tiếp cho chương trình nông thôn mới tại các xã thuộc phạm vi Đề án, phân bổ: 1.925 triệu đồng vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh).

- Dự kiến nguồn vốn thực hiện chương trình năm 2020 bằng các nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; các Chương trình, dự án thành phần của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như: Chương trình mỗi xã một sản phẩm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ xây dựng nhà tiêu và chuồng trại hợp vệ sinh ...; Đề án đầu tư nguồn lực phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững cho các thôn, làng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030.

2. Vốn tín dụng:

Huy động nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng chính sách xã hội để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, chỉnh trang nhà ở đạt chuẩn, xóa nhà tạm, nhà dột nát.

3. Vốn Doanh nghiệp:

Huy động vốn hỗ trợ từ các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn huyện, xã để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng (điện, thông tin truyền thông ...), phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, phát triển sản xuất, xóa nhà tạm ...

4. Vốn nhân dân đóng góp:

Huy động nhân dân trên địa bàn tham gia đóng góp để xây dựng các cơ sở hạ tầng thiết yếu (theo tỷ lệ quy định tại Nghị Quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, Nghị quyết số 84/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018, Nghị quyết số 104/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh); đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập; cải tạo, chỉnh trang nhà ở, hàng rào, cổng ngõ đạt chuẩn; xây dựng các công trình nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước, chuồng trại hợp vệ sinh

5. Huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác:

- Vốn từ thiện của các cơ quan, đơn vị để hỗ trợ xây nhà tình nghĩa xóa nhà tạm cho người có công; hỗ trợ phát triển sản xuất cho các hộ nghèo

- Huy động sự hỗ trợ, đóng góp, giúp đỡ của các đơn vị quân đội đóng chân trên địa bàn biên giới.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Về tuyên truyền, vận động:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp về ưu tiên, tăng nguồn lực hỗ trợ các thôn, làng trong xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm các cấp, các ngành liên quan để góp phần đạt được mục tiêu của Chương trình xây dựng làng nông thôn mới đến năm 2020; phát huy vai trò chủ thể và tinh thần chủ động vươn lên của người dân và cộng đồng các thôn, làng với lực lượng nòng cốt là các già làng có uy tín trong cộng đồng.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng tại các thôn, làng về xây dựng nông thôn mới gắn với chủ động phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. Công tác tuyên truyền phải đi vào thực chất, hình thức phù hợp và phát huy tốt vai trò của các đoàn thể chính trị xã hội trong công tác tuyên truyền.

- Hàng năm, tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng đạt tiêu chí nông thôn mới của từng làng so với bộ tiêu chí thôn, làng để xây dựng kế hoạch, lộ trình phấn đấu, thực hiện cụ thể.

2. Về xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Ngân sách Trung ương tập trung hỗ trợ các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, sinh hoạt cộng đồng và cải thiện điều kiện sống trực tiếp cho người dân;

- Lồng ghép các chương trình, dự án đang triển khai thực hiện trên từng địa bàn; huy động doanh nghiệp hỗ trợ nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển nguyên vật liệu tới khu vực thi công của các thôn, làng.

- Đẩy mạnh thực hiện việc phân cấp, giao cho cộng đồng và người dân trực tiếp thực hiện các công trình của thôn, làng có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc cơ chế kiểm tra, giám sát quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng thời có chế tài xử lý nghiêm minh đối với các hành vi sai phạm.

3. Về phát triển sản xuất, tạo sinh kế nâng cao thu nhập cho người dân:

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình liên kết sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng thôn, làng.

- Ưu tiên hỗ trợ các hộ có điều kiện, có năng lực phát triển sản xuất về lãi suất vốn vay, mua vật tư, hỗ trợ thăm quan, tập huấn, đào tạo nghề... để phát triển sản phẩm đặc trưng, có lợi thế của địa phương để từ đó nhân rộng ra địa bàn.

- Thúc đẩy phát triển các mô hình làng du lịch văn hóa cộng đồng ở các làng có điều kiện phát triển du lịch, gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và lợi thế của từng thôn, làng.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ bảo quản sau thu hoạch và các hoạt động, hỗ trợ xúc tiến thương mại theo quy định của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

4. Về nâng cao năng lực:

- Nâng cao năng lực và hướng dẫn cho Trưởng các thôn, làng; thành viên Ban phát triển thôn, làng; người có uy tín trong cộng đồng (già làng) để có thể triển khai các nội dung về xây dựng nông thôn mới tại các thôn, làng. Nội dung tập huấn cần tập trung vào việc nâng cao các kỹ năng phát triển cộng đồng.

- Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, nhất là phát huy những nghề truyền thống ở thôn, làng; đào tạo nghề theo nhu cầu, theo địa chỉ sử dụng.

- Gắn các hoạt động đào tạo, tập huấn với việc tổ chức thăm quan các mô hình, thực tế và các hoạt động phát triển thôn, làng nổi bật, hiệu quả.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan Thường trực Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*):

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban và các đơn vị có liên quan tham mưu, theo dõi, hướng dẫn UBND các xã Ia Mơ, Ia Púch thực hiện Kế hoạch. Hàng năm chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của các địa phương, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương theo thẩm quyền, báo cáo UBND huyện xử lý trong trường hợp vượt thẩm quyền.

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch phân bổ nguồn lực hỗ trợ các địa phương thực hiện Kế hoạch.

- Tiến hành khảo sát, xây dựng các mô hình phát triển kinh tế thôn, làng theo hướng liên kết chuỗi giá trị gắn với triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm khai thác, phát huy được những lợi thế, tiềm năng sẵn có của địa phương (*lợi thế về rừng, cây dược liệu, du lịch cộng đồng gắn với phát triển và bảo tồn văn hóa dân tộc, ...*).

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Văn hóa Thông tin tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động ở thôn, làng gắn với các mô hình dự án phát triển sản xuất theo chuỗi và Chương trình OCOP, làng du lịch văn hóa,...

- Lồng ghép các nội dung thực hiện Đề án đầu tư nguồn lực phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững cho các thôn, làng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030; các dự án thuộc chương trình giảm nghèo bền vững thuộc phạm vi quản lý của ngành vào thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu UBND huyện phương án bổ sung kinh phí hỗ trợ cụ thể (gồm vốn dự phòng Trung ương giao trung hạn và vốn đối ứng của địa phương theo quy định) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, trình HĐND huyện quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành và đề xuất UBND huyện chỉ đạo xây dựng chính sách hỗ trợ (hỗ trợ bảo quản sau thu hoạch, xúc tiến thương mại theo quy định Chương trình Mỗi xã một sản phẩm OCOP), tăng cường huy động các nguồn vốn chính sách cho vay xã hội, nguồn vốn lồng ghép hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình, Dự án (Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình 135...) để đảm bảo bố trí đủ nguồn lực hỗ trợ thực hiện các mục tiêu và nội dung của Đề án.

Bố trí vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương được giao cho hai năm 2019-2020 để xây dựng các mô hình phát triển kinh tế cấp thôn, làng theo hướng liên kết chuỗi giá trị gắn với triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm; tập trung hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã gắn liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thí điểm mô hình làng du lịch cộng đồng và tập huấn, nâng cao năng lực về kỹ năng phát triển cộng đồng.

3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động ở thôn, làng gắn với các mô hình dự án phát triển sản xuất theo chuỗi và Chương trình OCOP, làng du lịch văn hóa,...

Tham mưu, hướng dẫn các địa phương thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thực hiện trên địa bàn các thôn, làng thuộc phạm vi Đề án.

4. Phòng Dân tộc:

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban bố trí lồng ghép nguồn vốn về cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực từ Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 nhằm tăng cường hỗ trợ các thôn, làng thuộc phạm vi của Đề án 1385.

5. Phòng Nội vụ: Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bố trí, luân chuyển, tăng cường cán bộ có năng lực, tâm huyết của các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới về đảm nhiệm các vị trí (6 chức danh: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND) của xã thuộc phạm vi Đề án 1385 theo nhu cầu tại từng địa phương gắn với công tác cán bộ.

6. Phòng Kinh tế - Hạ tầng: Tham mưu, hướng dẫn các địa phương thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 (ban hành tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh) thực hiện trên địa bàn các thôn, làng thuộc phạm vi đề án.

7. Các phòng, ban, ngành có liên quan:

Chủ động bổ sung nội dung hỗ trợ cụ thể đối với các thôn, làng thuộc phạm vi Đề án vào kế hoạch hoạt động hàng năm của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện.

8. Các Chi nhánh Ngân hàng thương mại và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội:

- Các Chi nhánh Ngân hàng thương mại: tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương, người dân tiếp cận được với các nguồn tín dụng ưu đãi hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội: Ưu tiên hỗ trợ các hộ thuộc đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn các xã biên giới được vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh nâng cao thu nhập, về nước sạch, xây dựng nhà ở, nhà vệ sinh; hỗ trợ doanh nghiệp, thương nhân vay vốn hoạt động thương mại tại các xã biên giới. Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ tín dụng đặc thù cho các xã biên giới của tỉnh khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

9. Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao: Xây dựng chuyên trang; chuyên mục tuyên truyền về nội dung, tình hình triển khai và kết quả thực hiện Đề án 1385.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

Tổ chức tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa của Đề án 1385. Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*. Cuộc vận động *“Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững”* gắn với 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới và Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp về xây dựng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về xây dựng nông thôn mới, phát huy vai trò chủ thể và tinh thần chủ động của nhân dân trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Chỉ đạo, huy động các nguồn hỗ trợ để giúp đỡ các thôn làng xây dựng nhà tình nghĩa, xóa nhà tạm.

Hội Liên hiệp phụ nữ huyện: Chỉ đạo Hội Liên hiệp phụ nữ xã tuyên truyền cho các hội viên phụ nữ tại các thôn, làng tham gia chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ, xây dựng mô hình *“hàng rào xanh”*, *“con đường hoa”* .. thực hiện đạt chuẩn chỉ tiêu 17.9. Thôn, làng có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động *“Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”* và có mô hình *“Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”* và chỉ tiêu 18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Trong thôn, làng không có bạo lực gia đình.

11. UBND xã Ia Mơ và Ia Púch:

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết, cụ thể cho từng thôn, làng trên địa bàn để đạt chuẩn các mục tiêu đã đề ra.
- Tập trung chỉ đạo, hỗ trợ nguồn lực cho các thôn, làng trên địa bàn quản lý phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo mục tiêu Kế hoạch đề ra.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân phụ trách từng tiêu chí, chỉ tiêu và địa bàn thôn, làng trong xây dựng nông thôn mới. Định kỳ có kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao cho từng cá nhân, tổ chức.
- Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền xã đưa mục tiêu phấn đấu và giải pháp thực hiện Kế hoạch vào Nghị quyết, Chương trình hành động hàng năm để chỉ đạo triển khai thực hiện thường xuyên.
- Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền dưới dạng hội nghị chuyên đề, hội thảo, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hay, các mô hình hiệu quả; kịp thời khen thưởng và tôn vinh những gương điển hình tiêu biểu trong triển khai Kế hoạch.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, kết quả triển khai Kế hoạch trên địa bàn; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ kết quả, tiến độ thực hiện vào ngày 20 hàng tháng và đột xuất về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và các phòng, ban ngành có liên quan để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

Nhận được Kế hoạch này, yêu cầu các phòng, ban, đơn vị có liên quan và UBND xã Ia Mơ, Ia Púch triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- VPĐP NTM tỉnh;
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các TV BCĐ các CT MTQG huyện;
- Các phòng, ban đơn vị có liên quan;
- CVP và các PCVP UBND huyện;
- Phòng NN và PTNT;
- UBND các xã: Ia Mơ, Ia Púch;
- Lưu: VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



Từ Ngọc Thông



Phụ lục 01: TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐẠT TIÊU CHÍ CÁC THÔN, LÀNG CỦA HUYỆN CHỦ PRÔNG
(Kèm theo Kế hoạch số: 152 /BC-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện)

Ghi chú: Tiêu chí đạt đánh dấu x

Stt	Thôn, làng	Nhóm tiêu chí																			Tổng số tiêu chí đạt	
		Quy hoạch	Hạ tầng kinh tế - xã hội								Kinh tế và Tổ chức sản xuất				Văn hóa - Xã hội - Môi trường				Hệ thống chính trị, quốc phòng, an ninh			
			1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi	4. Điện	5. Trường học	6. Cơ sở vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và Truyền thông	9. Nhà ở và khu dân cư	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Lao động có việc làm	13. Tổ chức sản xuất	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và An toàn thực phẩm	18. Hệ thống chính trị, bình đẳng giới		19. Quốc phòng và An ninh
I	Xã Ia Púch																					
1	Làng Chư Kó	x			x	x	x					x				x	x			x		
2	Làng Gòong	x			x	x	x	x				x				x	x			x		
3	Làng Brang	x			x	x	x					x				x				x		
4	Làng Bih	x			x	x	x					x				x				x		
II	Xã Ia Mơ																					
1	Làng Hnáp	x			x	x	x					x								x		
2	Làng Khỏi	x			x	x	x					x								x		
3	Làng Klăh	x			x	x	x					x					x			x		
4	Làng Krông	x			x	x	x					x				x	x			x		
5	Làng Rìng	x			x	x	x					x				x	x			x		

Huyện: Chư Prông

Phụ lục 02:

KẾ HOẠCH PHÂN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2019-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 132 /KH-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện)



STT	Tên xã	Thời gian đăng ký đạt chuẩn năm 2020	Số tiêu chí đã đạt chuẩn	Các tiêu chí chưa đạt chuẩn	Kế hoạch phân đầu hoàn thành các tiêu chí		Ghi chú
					Năm 2019	Năm 2020	
I	Xã Ia Púch						
1	Làng Gòong	x	10/19	10 tiêu chí, gồm có: 2,3, 9,10,11, 13, 14,17,18	5 tiêu chí, gồm có: 2, 3, 13, 18	5 tiêu chí, gồm có: 9, 10, 11, 14, 17	
2	Làng Chư Kó	x	9/19	10 tiêu chí, gồm có: 2,3,8,9,10,11,13,14,17,18	5 tiêu chí, gồm có: 3, 8, 9, 13	5 tiêu chí, gồm có: 2,10, 11, 14, 17	
3	Làng Brang		8/19	11 tiêu chí, gồm: 2,6,8,9,10,11,13,14,16,17,18	3 tiêu chí, gồm: 13,14,16	4 tiêu chí, gồm: 6,8,9,18	
4	Làng Bih		9/19	10 tiêu chí, gồm: 6,8,9,10,11,13,14,16,17,18	3 tiêu chí, gồm: 13,14,16	4 tiêu chí, gồm: 6,8,9,18	
II	Xã Ia Mơ						
1	Làng Klăh	x	8/19	11 tiêu chí, gồm có: 2; 5; 6; 9; 10; 11; 13; 14; 15; 17; 18	4 Tiêu chí, gồm: 2,5,9,13	7 Tiêu chí, gồm: 6;10; 11; 14; 15; 17, 18	
2	Làng Ring	x	12/19	7 tiêu chí, gồm có: 2; 5; 6; 10; 16; 17; 18	3 Tiêu chí, gồm: 5; 16, 17	4 Tiêu chí, gồm: 2,6,10,18	
3	Làng Hnáp		7/19	12 tiêu chí, gồm: 2, 5, 6, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18	3 Tiêu chí, gồm: 5; 9; 13	5 Tiêu chí, gồm: 6; 15; 16; 17,18	
4	Làng Khôi		7/19	12 tiêu chí, gồm: 2; 5; 6; 9; 10; 11; 13; 14; 15; 16; 17; 18	3 Tiêu chí, gồm: 5; 9; 13	5 Tiêu chí, gồm: 6; 15; 16; 17,18	
5	Làng Krông		9/19	11 tiêu chí, gồm: 2; 5; 6; 9; 10; 11; 13; 14; 17; 18	4 Tiêu chí, gồm: 2,5, 9; 13	4 Tiêu chí, gồm: 6; 14; 17, 18	

Phụ lục 3: THỰC TRẠNG CÁC LÀNG ĐĂNG KÝ PHÂN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Kế hoạch số: **43/L** /KH-UBND ngày **19** tháng **4** năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện)

Phụ lục 3: THỰC TRẠNG CÁC LÀNG ĐĂNG KÝ PHÂN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Kế hoạch số: **43/L** /KH-UBND ngày **19** tháng **4** năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn theo Quyết định 183/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Làng Chư Kó (làng đặc biệt khó khăn)- Ia Púch		Làng Gòong - xã Ia Púch		Làng Klăh (làng đặc biệt khó khăn) - xã Ia Mơ		Làng Ring - xã Ia Mơ	
		Đạt	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
3	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn	Đạt	Mùa nắng mới đảm bảo nước sinh hoạt	Chưa đạt	Mùa nắng mới đảm bảo nước sinh hoạt	Chưa đạt	Các hộ trong làng chủ yếu trồng các loại cây lâu năm (xoài, me, mít, điều) và chăn nuôi nên cơ bản nước phục vụ cho kinh tế vườn là tương đối đảm bảo	Đạt	Các hộ dân chủ yếu trồng cây lâu năm và chăn nuôi; - Hiện có khoảng 60% số hộ đã tự khoan giếng lấy nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh tế vườn hộ. Nền cơ bản đảm bảo được nước sản xuất trong vườn hộ	Đạt
4	Tiêu chí điện Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện ≥ 98%	Đạt	150/151 hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,3%	Đạt	224/226 hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99%	Đạt	100% hộ được sử dụng điện lưới quốc gia, vẫn còn một số nhà cách xa trụ hạ thế đến khoảng 200m, chưa thực sự đảm bảo an toàn	Đạt	100% hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; hệ thống hạ tầng ngành điện hiện tại đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt và sản xuất cho các hộ dân	Đạt
5	Tiêu chí trường học Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng	Đạt	Đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, tường rào, cổng.	Đạt	Học tại trường Trung tâm, đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, tường rào, cổng.	Đạt	Làng không có điểm trường làng (đó điểm trường trung tâm đứng chân trên địa bàn của làng). - Trẻ mầm non của làng học tại điểm trường trung tâm. Điểm trường trung tâm của xã vẫn còn thiếu về đồ dùng, thiết bị dạy học và đồ chơi; thiếu thiếu y tế, cấp dưỡng, văn thư; thiếu nhà ăn, phòng bảo vệ và nhà nghỉ trưa cho trẻ bán trú (thiếu phòng chức năng, nhà ăn)	Chưa đạt	Làng đã có điểm trường làng; tuy nhiên vẫn còn thiếu phòng chức năng và trang thiết bị, đồ dùng dạy – học cho trẻ; chưa có nhà ăn, nghỉ trưa cho trẻ	Chưa đạt
6	Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc.	Đạt	Đã có nhà sinh hoạt cộng đồng	Đạt	Đã có nhà sinh hoạt cộng đồng	Đạt	Chưa có khu thể thao theo quy định; - Nơi sinh hoạt văn hoá chưa có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, nhà vệ sinh; - Chưa có Ban chủ nhiệm điều hành hoạt động theo quy định	Chưa đạt	Chưa có khu thể thao theo quy định; - Nơi sinh hoạt văn hoá chưa có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, nhà vệ sinh; - Chưa có Ban chủ nhiệm điều hành hoạt động theo quy định	Chưa đạt
7	Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại Thôn, làng phải có ít nhất 01 điểm mua bán trao đổi hàng hóa	Đạt	15 hộ kinh doanh, buôn bán trên địa bàn thôn	Đạt	33 hộ kinh doanh, buôn bán trên địa bàn thôn	Đạt	Đã có 38 điểm mua bán, trao đổi hàng hoá; kinh doanh dịch vụ, vận tải ...	Đạt	Đã có 9 điểm mua bán, trao đổi hàng hoá; kinh doanh dịch vụ, vận tải ... và 1 cây xăng	Đạt
8	Tiêu chí Thông tin và truyền thông 8.1. Thôn, làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy cập internet	Đạt	Đã được phủ sóng điện thoại và có thể truy cập Internet	Đạt	Đã được phủ sóng điện thoại và có thể truy cập Internet	Đạt	Truy cập Internet qua sóng điện thoại; - Trên địa bàn của Làng có 02 điểm kinh doanh Internet; ngoài ra có thể truy cập Internet từ trụ sở UBND xã (cùng đứng chân trên địa bàn của Làng)	Đạt	Truy cập Internet qua sóng điện thoại	Đạt

STT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn theo Quyết định 183/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Làng Chư Kó (làng đặc biệt khó khăn)- Ia Púch		Làng Gông - xã Ia Púch		Làng Klăh (làng đặc biệt khó khăn) - xã Ia Mơ		Làng Ring - xã Ia Mơ	
			Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
	8.2. Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hằng ngày	Đạt	Chưa có	Chưa đạt	Đã có loa phát thanh phục vụ cho tất cả các hộ dân của làng	Đạt	Đã có loa phát thanh không dây phục vụ cho tất cả các hộ dân của làng	Đạt	Đã có loa phát thanh không dây phục vụ cho tất cả các hộ dân của làng	Đạt
	Tiêu chí Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình									
	9.1. Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm bảo 3 cứng	Đạt	Tỷ lệ nhà tạm, dột nát 2/151 nhà đạt 1.32%. Nhà ba cứng 148/151 nhà đạt 98%.	Chưa đạt	Tỷ lệ nhà tạm, dột nát 11/226 nhà đạt 4.86 %. Nhà đạt chuẩn 178/226 nhà đạt 78%.	Chưa đạt	Không còn nhà tạm, nhà dột nát; tuy nhiên về chất lượng, độ bền, thời gian sử dụng chưa được cao - Về diện tích sử dụng nhà ở thì còn khoảng 30% chưa đảm bảo; - Riêng tỷ lệ nhà vệ sinh đạt rất thấp (khoảng 30%)	Chưa đạt	Không còn nhà tạm, nhà dột nát; tuy nhiên về chất lượng, độ bền, thời gian sử dụng chưa được cao - Về diện tích sử dụng nhà ở thì có khoảng 30% chưa đảm bảo - Riêng tỷ lệ nhà vệ sinh đạt trên 80%	Đạt
	9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân	Đạt	Vườn hộ đã được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn trồng các loại cây đem lại thu nhập có 116/151 hộ đạt 76.8%	Đạt	Vườn hộ đã được bố trí ngăn nắp, khoa học. Song việc trồng các loại cây đem lại thu nhập đạt tương đối thấp có 75/226 hộ đạt 33.18%	Chưa đạt	Vườn hộ đã được bố trí ngăn nắp, khoa học; việc trồng các loại cây đem lại thu nhập đạt khoảng 75%	Chưa đạt	Vườn hộ đã được bố trí ngăn nắp, khoa học; việc trồng các loại cây đem lại thu nhập đạt khoảng 90%	Đạt
9	9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp	Đạt	Khuôn viên vườn hộ được quy hoạch ngăn nắp có hàng rào và có cổng ngõ 37/151 đạt 24.5%; khoảng 55/151 hộ cải tạo vườn tạp đạt 36.42 %. Hồ rác tự đào 19/151 cải đạt 12.5%	Chưa đạt	Khuôn viên vườn hộ được quy hoạch ngăn nắp có hàng rào và có cổng ngõ 99/226 đạt 43.8%; khoảng 28/226 hộ cải tạo vườn tạp đạt 12.38%. Hồ rác tự đào 32/226 cải đạt 14.15%	Chưa đạt	92% khuôn viên vườn hộ được chỉnh trang, có hàng rào, khoảng 90% có cổng ngõ; khoảng 75% hộ cải tạo vườn tạp. - Chưa thu gom rác, nước thải	Chưa đạt	95% khuôn viên vườn hộ được chỉnh trang, có hàng rào, khoảng 90% có cổng ngõ; - Rác thải đã được chôn, đốt, hầu hết các hộ đã có hố để thu gom nước thải	Đạt
	9.4. Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương	Đạt	Không còn nhà ở truyền thống (nhà sàn)	Đạt	Không còn nhà ở truyền thống (nhà sàn)	Đạt	Các hộ dân đều được khuyến khích làm nhà theo kiểu nhà truyền thống của dân tộc mình	Đạt	Các hộ dân đều được khuyến khích làm nhà theo kiểu nhà truyền thống của dân tộc mình	Đạt
	9.5. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	-Thôn, làng BDKK: ≥ 75% -Thôn làng còn lại: ≥ 85%	có 64/151 hộ trong thôn có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng đạt 42.3%	Chưa đạt	có 71/226 hộ trong thôn có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng đạt 34.4%	Chưa đạt	Hiện tích sử dụng, tỷ lệ này chỉ đạt	Chưa đạt	Về diện tích sử dụng, tỷ lệ này đạt trên 90%	Đạt
	Tiêu chí Thu nhập									
10	Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020	-Thôn, làng BDKK: 38 triệu đồng năm 2019 và 41 triệu đồng năm 2020 -Thôn làng còn lại: 40 triệu đồng năm 2019 và 45 triệu đồng năm 2020	Chỉ mới sắp sý bằng 1/3 mức thu nhập theo quy định của xã nông thôn mới (14 triệu đồng/người/năm)	Chưa đạt	Chỉ mới sắp sý bằng 1/3 mức thu nhập theo quy định của xã nông thôn mới (14 triệu đồng/người/năm)	Chưa đạt	Chỉ mới sắp sý bằng 1/3 mức thu nhập theo quy định của xã nông thôn mới (năm 2018 đạt 14 triệu đồng/người/năm)	Chưa đạt	Chỉ mới sắp sý bằng 1/3 mức thu nhập theo quy định của xã nông thôn mới (năm 2018 đạt 17 triệu đồng/người/năm)	Chưa đạt

STT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn theo Quyết định 183/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Làng Chư Kó (độc biệt khó khăn)- Ia Púch		Làng Gông - xã Ia Púch		Làng Klăh (làng đặc biệt khó khăn) - xã Ia Mơ		Làng Ring - xã Ia Mơ	
			Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
11	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020		Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cuối năm 2018 (thực hiện trong năm 2019) là 22,86%	Chưa đạt	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cuối năm 2018 (thực hiện trong năm 2019) là 22,86%	Chưa đạt	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cuối năm 2018 (thực hiện trong năm 2019) là 13,25%	Chưa đạt	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cuối năm 2018 (thực hiện trong năm 2019) là 0,1%	Đạt
12	Tiêu chí Lao động có việc làm		≥ 90%	396/396 người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động đều có việc làm (chủ yếu là làm nông cho gia đình) đạt 100%	Đạt	545/545 người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động đều có việc làm (chủ yếu là làm nông cho gia đình) đạt 100%	Đạt	100% số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động đều có việc làm trong các lĩnh vực nông nghiệp, kinh doanh, dịch vụ	Đạt	
13	Tiêu chí Tổ chức sản xuất									
	13.1. Có Tổ hợp tác được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả	Đạt	Chưa	Chưa đạt	Chưa	Chưa đạt	Chưa có mô hình cụ thể giúp dân phát triển sản xuất;	Chưa đạt	Đã có hợp tác xã hoạt động;	Đạt
14	13.2. Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt	Chưa	Chưa đạt	Chưa	Chưa đạt	Đã có kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất (từ nguồn vốn sự nghiệp nông nghiệp hàng năm) nhưng chưa với tiêu thụ sản phẩm	Chưa đạt	Đã có mô hình liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; - 100% nông dân áp dụng cơ giới, vật tư nông nghiệp vào sản xuất	Đạt
	Tiêu chí Giáo dục và đào tạo									
14	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở;	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề	≥ 70%	2/5 đạt 40% học sinh tốt nghiệp THCS của làng được tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề	Chưa đạt	5/7 đạt 71 % học sinh tốt nghiệp THCS của làng được tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề	Đạt	Trung bình đạt 15%/năm (riêng năm 2018 chỉ đạt 10%).	Chưa đạt	Đạt 100%	Đạt
	14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề	≥ 25%	63/396 lao động của làng đã qua đào tạo, tập huấn việc làm đạt 15.9%	Chưa đạt	76/545 lao động của làng đã qua đào tạo, tập huấn việc làm đạt 13.94%	Chưa đạt	Chi đạt khoảng 28%	Đạt	Đạt 40%	Đạt
	Tiêu chí Y tế									
	15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	≥ 85%	Đạt 100 %	Đạt	Đạt 100 %	Đạt	Đạt 92%	Đạt	Đạt 95%	Đạt
	15.2. Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	Đạt	Có 01 Y tế thôn bản	Đạt	Có 01 Y tế thôn bản	Đạt	Đã có nhân viên y tế; tuy nhiên chưa được đào tạo từ 3 tháng trở lên	Chưa đạt	Có cán bộ quản lý phòng	Đạt

STT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn theo Quyết định 183/QĐ-UBND của UBND tỉnh		Làng Chư Kó (làng đặc biệt khó khăn) - Ia Púch		Làng Góong - xã Ia Púch		Làng Klăh (làng đặc biệt khó khăn) - xã Ia Mơ		Làng Ring - xã Ia Mơ	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
15	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	≥ 97%	Đạt	Tỷ lệ TCMR đạt 97%	Đạt	Tỷ lệ TCMR đạt 97%	Đạt	Bình quân đạt 92%/năm. - Năm 2018 chỉ đạt khoảng 85%. Đo cung ứng vắc xin chưa kịp thời	Đạt	Đạt 98%	Đạt
	15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	31,4% -Thôn làng còn lại: ≤ 50%	Đạt	Đạt 24,5	Đạt	Đạt 24,5	Đạt	Tỷ lệ này tại xã năm 2018 là 20%	Đạt	Tỷ lệ này tại xã năm 2018 là 20%	Đạt
	Tiêu chí Văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt làng văn hóa cấp huyện	Đạt	Đạt làng văn hóa cấp huyện	Đạt	Được công nhận làng văn hóa cấp huyện (đã đạt 5/5 tiêu chí cơ bản của làng văn hóa). Riêng tiêu chí vệ sinh - môi trường thì cần tiếp tục khắc phục, cải tạo, hoàn thiện.	Đạt	Đã đạt 5/5 tiêu chí cơ bản của làng văn hóa. - Đang chờ thẩm định, công nhận làng văn hóa cấp huyện.	Chưa đạt
16	Thôn, làng phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt làng văn hóa cấp huyện	Đạt	Đạt làng văn hóa cấp huyện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt
	17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch	≥ 95% nước HVS và ≥ 50% nước sạch	Đạt	151/151 hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh (dùng nước giếng đào chưa qua xử lý) đạt 100%; 21/151 dân số sử dụng nước sạch trong ăn uống (chỉ từ nguồn nước lọc đóng thùng) đạt 14%	Chưa đạt	226/226 hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh (dùng nước giếng đào chưa qua xử lý) đạt 100%; 87/226 dân số sử dụng nước sạch trong ăn uống (chỉ từ nguồn nước lọc đóng thùng) đạt 38.4%	Chưa đạt	Hiện tại, có khoảng 60% hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh (chủ yếu từ giếng đào chưa qua xử lý); - Chỉ khoảng 15% dân số sử dụng nước sạch trong ăn uống (chỉ từ nguồn nước lọc đóng thùng).	Chưa đạt	Hiện tại, có 100% hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh (từ giếng khoan). 80% dân số sử dụng nước sạch từ nước lọc đóng thùng, nước mưa qua xử lý, đun nấu	Đạt
	17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng phải chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường	100%	Đạt	Các hộ đã tham gia ký cam kết với UBND xã	Đạt	Các hộ đã tham gia ký cam kết với UBND xã	Đạt	Không có hộ SXKD nào vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường	Đạt	Không có hộ SXKD nào vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường	Đạt
17	17.3. Các tuyến đường trong thôn, làng; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt	Đạt	Được vệ sinh thường xuyên	Đạt	Được vệ sinh thường xuyên	Đạt	Đang khu dân cư chưa tốt (do chất thải chưa được thu gom, xử lý)	Chưa đạt	Hội trường thôn chưa được vệ sinh thường xuyên	Chưa đạt
	17.4. Vệ nghĩa địa, khu vực chôn cất của thôn, làng	Đạt	Đạt	Đã có quy hoạch	Đạt	Đã có quy hoạch	Đạt	Rác thải chưa được thu gom, xử lý	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt
	17.5. Thôn, làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hố thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình, không còn tình trạng rác thải vứt bừa bãi ra ngoài môi trường; bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định	Đạt	Đạt	Rác thải đã được thu gom và đốt	Đạt	Rác thải đã được thu gom và đốt	Đạt	Đã có khu đất nhà mồ chôn cất tập trung, nhưng cách khu dân cư không đầy 100m; không gây ô nhiễm môi trường các khu dân cư	Chưa đạt	Chưa có đất nghĩa địa (đang chờ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch theo đồ án NTM của xã)	Chưa đạt

STT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn theo Quyết định 183/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Làng Chư Kó (đặc biệt khó khăn)- Ia Púch		Làng Gòong - xã Ia Púch		Làng Klăh (làng đặc biệt khó khăn) - xã Ia Mơ		Làng Ring - xã Ia Mơ	
			Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
	17.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh	-Thôn, làng ĐKK: $\geq 70\%$ -Thôn làng còn lại: $\geq 80\%$	có 36/151 hộ có nhà tiêu HVS đạt 23.84%, có 78/151 nhà tắm HVS đạt 51.65%, có 82/151 bể chứa hợp vệ sinh đạt 54.3%	Chưa đạt	có 69/226 hộ có nhà tiêu HVS đạt 30.5 %, có 77/226 nhà tắm HVS đạt 34.1%, có 122/226 bể chứa hợp vệ sinh đạt 54%	Chưa đạt	Tỷ lệ này trung bình chỉ đạt khoảng 40%	Chưa đạt	Đạt 70%	Đạt
	17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sân.	-Thôn, làng ĐKK: $\geq 60\%$ -Thôn làng còn lại: $\geq 70\%$	có 72/106 hộ chăn nuôi có chuồng đạt 67.92% . Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sân;	Đạt	có 68/139 hộ chăn nuôi có chuồng đạt 48.92%. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sân;	Đạt	Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sân; - Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh đạt 60%. Số hộ còn lại chủ yếu do không có kinh phí làm chuồng trại đảm bảo vệ sinh	Đạt	Không có tình trạng chăn nuôi dưới sân	Đạt
	17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Được tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn; được kiểm tra, nhắc nhở theo định kỳ.	Đạt	Được tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn; được kiểm tra, nhắc nhở theo định kỳ.	Đạt	Được tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn; được kiểm tra, nhắc nhở theo định kỳ.	Đạt	- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh đạt 80%	Đạt
	17.9. Thôn, làng có ít nhất 70% hộ viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" và có mô hình "Chỉ hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới"	Đạt	85/251 phụ nữ trong làng tham gia cuộc vận động "năm không ba sạch" đạt 33,9%	Chưa đạt	92/243 phụ nữ trong làng tham gia cuộc vận động "năm không ba sạch" đạt 37,9%	Chưa đạt	Số hộ phụ nữ đạt cả 8 tiêu chí "năm không - ba sạch chỉ đạt 57,83%	Chưa đạt	Được tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn; được kiểm tra, nhắc nhở theo định kỳ.	Chưa đạt
	Tiêu chí Hệ thống chính trị, bình đẳng giới và tiếp cận pháp luật						Số hộ phụ nữ đạt cả 8 tiêu chí "năm không - ba sạch chỉ đạt 19,5%	Chưa đạt		
18	18.1. Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định	Đạt	Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định	Đạt	Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định	Đạt	Có đủ các tổ chức theo quy định; - Chất lượng hoạt động của các tổ chức chưa đạt theo quy định	Chưa đạt	- Có đủ các tổ chức theo quy định;	Chưa đạt
	18.2. Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận	Đạt	Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận	Đạt	Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận	Đạt	Chưa có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận	Chưa đạt	- Chất lượng hoạt động của các tổ chức chưa đạt theo quy định	Chưa đạt
	18.3. Có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện	Đạt	Có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện	Đạt	Có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện	Đạt	Chưa có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện	Chưa đạt	Chưa có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện	Chưa đạt
	18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hằng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	Chưa xây dựng kế hoạch hằng năm	Chưa đạt	Chưa xây dựng kế hoạch hằng năm	Chưa đạt

STT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn theo Quyết định 183/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Làng Chư Kó (đặc biệt khó khăn)- Ia Puch		Làng Góong - xã Ia Púch		Làng Kiêh (làng đặc biệt khó khăn) - xã Ia M'or		Làng Ring - xã Ia M'or	
			Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
19	18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tin dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Trong thôn, làng không có bạo lực gia đình	Đạt	Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tin dụng chính thức. Vẫn có trường hợp tảo hôn.	Chưa đạt	Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tin dụng chính thức. Vẫn có trường hợp tảo hôn.	Chưa đạt	Tỷ lệ hộ gia đình phụ nữ nghèo vay vốn từ NH CSXH đạt khoảng 47%	Chưa đạt	Tỷ lệ hộ gia đình phụ nữ nghèo vay vốn từ NH CSXH đạt khoảng 45%	Chưa đạt
	18.6. Nhân dân thôn, làng được tiếp cận pháp luật	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	Nhân dân đã được tiếp cận pháp luật	Đạt	Nhân dân đã được tiếp cận pháp luật	Đạt
	Tiêu chí Quốc phòng và an ninh									
	19.1. Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	Lực lượng dân quân đã được bố trí theo quy định và hàng năm đều hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Lực lượng dân quân đã được bố trí theo quy định và hàng năm đều hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt
Tổng tiêu chí	19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, làng bình yên	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	Trên địa bàn làng không có các tệ chức phản động và các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người; không xảy ra trọng án, tội phạm và tệ nạn xã hội	Đạt	Trên địa bàn làng không có các tệ chức phản động và các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người; không xảy ra trọng án, tội phạm và tệ nạn xã hội	Đạt
							Đạt tiêu chí: 1,3,4, 7,8,12,15,16, 19	Đạt tiêu chí: 1,3,4, 7,8,12,16, 19	Đạt tiêu chí: 1,3,4,7,8,9,11,12,13,14,15, 19	